Bản tin Phân tích kỹ thuật

13/03/2026

Vietcap

Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30

Nguồn: Vietcap

Nhận định:

- 41I1G3000 đóng cửa vi phạm đường MA20 và MA50, xác nhận sự áp đảo từ hoạt động điều chỉnh. (M15)
- Dự báo hợp đồng sẽ giảm về vùng giá thấp 1.820 điểm. Khuyến nghị mở vị thế bán và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.853 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.845 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.820 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.853 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực

Nguồn: Vietcap

- VN-Index tiếp tục chịu tác động tiêu cực từ nhóm vốn hóa lớn khi rổ VN30 có đến 18 mã giảm. Chỉ số mất hoàn toàn đà tăng trong ngày nhưng thanh khoản ghi nhận quanh mức thấp cho thấy lực cung được tiết chế. Trong ngắn hạn, tất cả các rổ chỉ số vẫn chịu tín hiệu Tiêu cực.

- Về hoạt động giao dịch, hoạt động mua tăng trên nhiều cổ phiếu Bất động sản, Công nghiệp, DV Tiện ích. Về phía lực bán, áp lực tăng đáng kể ở nhóm Dầu khí nhưng ở mức thấp trên nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ và Vật liệu. Về tín hiệu kỹ thuật, cổ phiếu Bất động sản tuy hồi phục mạnh nhưng tín hiệu giảm trung hạn vẫn chiếm trên 65% toàn ngành.

- Tín hiệu từ cung cầu thể hiện sự phân hóa ở thời điểm hiện tại. Trong đó, nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ, Vật liệu và đặc biệt là Dầu khí vẫn chịu tác động từ lực bán. Ngược lại, nhóm Bất động sản giữ được lực cầu ổn định. Sự phân hóa này sẽ khiến VN-Index rung lắc mạnh trong thời gian tới với biên độ dự đoán là 1.650-1.730 (+/-10) điểm. Các vị thế ngắn hạn nên được giữ tỷ trọng ở mức thấp (thăm dò) bởi tín hiệu tạo đáy vẫn chưa được xác nhận.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	91,800	-6.99%	-18.11%	221,509	-3.673	4,730	3.3	19.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	35,200	-6.88%	-4.99%	176,257	-2.875	1,036	2.9	34.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	98,000	2.19%	3.16%	402,526	2.090	10,008	1.7	9.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	49,450	-6.87%	-11.38%	114,308	-1.863	2,713	2.6	18.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	34,000	-5.03%	-9.93%	136,000	-1.622	1,406	2.4	24.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCB	59,000	-1.34%	-4.22%	492,985	-1.564	4,210	2.2	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	48,400	-6.92%	-21.94%	61,497	-1.010	2,122	2.4	22.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	82,000	-3.07%	-0.85%	120,411	-0.878	4,777	3.7	17.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
VNM	63,100	2.44%	1.12%	131,876	0.762	4,503	4.3	14.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIC	144,600	-0.28%	-7.60%	1,114,292	-0.729	1,739	7.5	83.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VJC	156,800	2.62%	0.26%	92,765	0.576	3,728	3.7	42.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,000	-0.87%	-4.63%	264,076	-0.548	4,454	1.5	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	31,250	2.80%	2.56%	76,091	0.505	1,613	2.6	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	147,500	-3.66%	-9.79%	53,985	-0.468	8,873	6.7	16.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,650	6.75%	12.44%	28,235	0.452	862	0.6	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PVS	40,000	-8.05%	-21.57%	20,457	-1.147	3,560	1.4	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVI	76,500	-2.17%	-7.83%	17,920	-0.272	4,709	2.2	16.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,300	1.88%	6.54%	17,413	0.228	434	1.6	37.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SHS	16,400	-1.80%	-10.87%	14,751	-0.185	1,501	1.2	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	44,200	-1.56%	2.08%	16,774	-0.182	5,090	2.6	8.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BAB	11,100	-1.77%	-5.13%	11,901	-0.147	1,141	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,700	2.63%	1.74%	7,988	0.147	958	0.9	12.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
MBS	24,500	-0.81%	-9.26%	16,349	-0.092	1,884	2.0	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IPA	16,100	-3.59%	-6.94%	3,443	-0.086	2,188	0.7	7.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	16,000	1.91%	-1.23%	5,600	0.075	919	1.1	17.4	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	82,400	-2.60%	-10.53%	252,551	0.464	3,063	6.2	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	51,000	-7.44%	10.39%	57,645	0.303	10	4.7	5,102.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	44,700	-14.86%	-17.22%	18,881	0.198	2,227	3.3	20.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
CC1	33,900	13.00%	-5.83%	13,752	-0.126	588	3.1	58.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	19,200	-8.57%	-14.67%	20,555	0.124	420	2.0	47.3	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MVN	50,000	1.83%	-20.51%	60,117	-0.078	1,624	4.3	30.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	49,000	-0.61%	-4.30%	175,584	0.075	3,026	2.5	16.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	260,000	-5.45%	1.56%	16,172	0.062	2,836	4.9	92.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	43,000	7.50%	33.13%	9,030	-0.048	-368	6.0	-116.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
F88	138,000	-4.17%	5.34%	15,485	0.046	6,543	6.3	21.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VVS	160,500	6.0%	63.6	24.4	15,808	151,400	5.3	10.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	45,350	2.6%	49.1	35.1	16,273	44,250	3.9	21.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MST	7,700	8.5%	33.2	17.6	4,546	7,400	0.8	31.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VTP	89,100	-2.7%	64.5	75.8	90,800	152,275	6.1	26.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	27,300	-2.2%	26.0	34.9	27,400	46,401	2.1	23.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,100	-14.6%	24.0	7.3	1,400	8,100	-1.9	-1.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MZG	12,900	10.3%	40.3	5.1	6,280	18,900	1.0	11.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

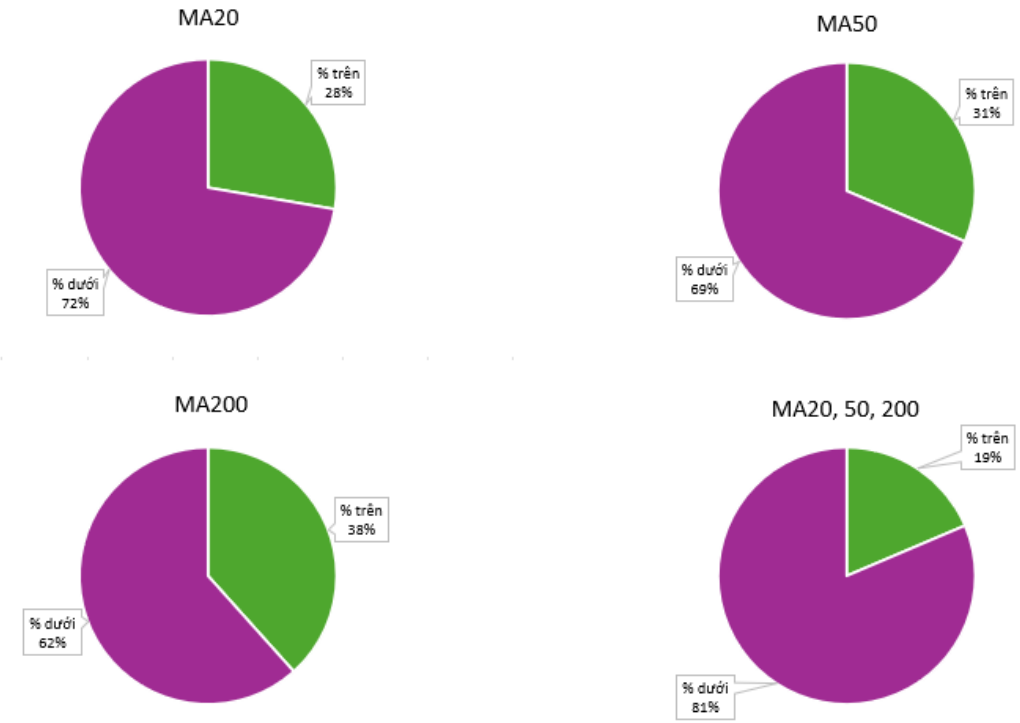

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			13/03/2026	12/03/2026	11/03/2026	10/03/2026	09/03/2026	06/03/2026	05/03/2026	04/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	33%	32%	33%	30%	25%	38%	40%	43%
		Dưới	67%	68%	67%	70%	75%	62%	60%	57%
	MA50	Trên	27%	25%	27%	19%	16%	35%	38%	39%
		Dưới	73%	75%	73%	81%	84%	65%	62%	61%
	MA20	Trên	20%	18%	20%	13%	9%	28%	32%	34%
		Dưới	80%	82%	80%	87%	91%	72%	68%	66%
VN30	MA200	Trên	43%	43%	43%	43%	30%	57%	60%	67%
		Dưới	57%	57%	57%	57%	70%	43%	40%	33%
	MA50	Trên	7%	7%	17%	13%	13%	27%	33%	33%
		Dưới	93%	93%	83%	87%	87%	73%	67%	67%
	MA20	Trên	10%	7%	10%	7%	3%	20%	30%	30%
		Dưới	90%	93%	90%	93%	97%	80%	70%	70%
HNX	MA200	Trên	42%	42%	39%	36%	33%	42%	43%	43%
		Dưới	58%	58%	61%	64%	67%	58%	57%	57%
	MA50	Trên	37%	39%	36%	31%	27%	39%	40%	41%
		Dưới	63%	61%	64%	69%	73%	61%	60%	59%
	MA20	Trên	42%	42%	39%	36%	33%	42%	43%	43%
		Dưới	58%	58%	61%	64%	67%	58%	57%	57%
UPCOM	MA200	Trên	28%	27%	28%	25%	24%	32%	31%	33%
		Dưới	72%	73%	72%	75%	76%	68%	69%	67%
	MA50	Trên	32%	32%	32%	30%	28%	36%	36%	36%
		Dưới	68%	68%	68%	70%	72%	64%	64%	64%
	MA20	Trên	39%	39%	39%	38%	35%	42%	42%	42%
		Dưới	61%	61%	61%	62%	65%	58%	58%	58%

Vietcap

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17		Tháng 3										Tháng 2										
		13 ↓	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12	11	10	09
!	1 Dầu khí	75	80	78	77	83	90	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80	80	82	85
!	2 Hóa chất	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57	58	60	64
	3 Điện, nước & xăng d...	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55	55	60	63
	4 Y tế	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62	68	64	53	51	48	44	43	52
	5 Hàng cá nhân & Gia ...	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65	64	62	69
	6 Tài nguyên Cơ bản	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53	53	57	59
	7 Hàng & Dịch vụ Côn...	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55	53	55	60
↘	8 Bán lẻ	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79	75	75	78
↘	9 Ô tô và phụ tùng	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50	46	46	46
↘	10 Xây dựng và Vật liệu	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48	47	51	49
↘	11 Dịch vụ tài chính	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34	32	32	33
	12 Thực phẩm và đồ uố...	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55	55	59	62
	13 Ngân hàng	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46	41	40	42
	14 Bảo hiểm	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66	65	65	70
↘	15 Bất động sản	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36	31	28	26
↘	16 Du lịch và Giải trí	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38	33	31	32
↘	17 Công nghệ Thông tin	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48	47	54	56

Vietcap

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	31,250	2.8%	2.6%	76,091	2.6	19.4	1,613	188.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	51,000	-7.4%	10.4%	57,645	4.7	5,102.3	10	356.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPM	33,200	-2.4%	6.6%	22,574	2.0	21.0	1,579	583.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
EVF	15,100	2.7%	11.0%	11,485	1.2	12.8	1,176	283.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QTP	13,600	3.8%	7.1%	6,147	1.0	5.9	2,336	32.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEG	16,750	1.5%	9.1%	6,002	1.4	10.1	1,663	51.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VVS	160,500	6.0%	15.4%	3,455	5.3	10.6	15,160	63.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PPC	10,650	6.6%	4.4%	3,415	0.8	20.1	530	13.1	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LAS	20,200	-0.5%	5.2%	2,280	1.6	13.9	1,455	97.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAT	87,200	-0.6%	5.3%	2,196	3.7	6.3	13,900	5.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDI	7,390	5.1%	4.7%	2,019	0.6	15.7	470	13.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PAC	26,150	1.2%	10.3%	1,823	1.8	15.5	1,688	38.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MZG	12,900	10.3%	10.3%	1,473	1.0	11.5	1,104	40.3	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ILS	36,000	-0.8%	2.9%	1,190	3.8	74.6	443	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV1	36,700	-0.3%	7.9%	984	1.9	6.6	5,627	8.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MST	7,700	8.5%	5.5%	875	0.8	31.1	247	33.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TVD	12,100	-0.8%	2.5%	544	0.8	6.9	1,744	7.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NBC	11,000	-2.7%	0.0%	407	0.8	9.9	1,108	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	65,800	0.2%	3.1%	124,047	2.1	20.9	3,150	458.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	58,700	1.2%	2.6%	18,787	3.6	47.9	1,227	168.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FPT	77,000	-0.9%	-5.6%	131,170	3.6	14.0	5,511	697.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	22,550	-1.5%	-7.4%	70,164	11.7	7.7	2,947	42.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	12,800	-1.9%	-6.2%	21,961	0.9	5.3	2,438	16.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	22,500	-1.5%	-2.2%	19,240	1.7	24.9	903	10.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	138,500	-3.5%	-8.3%	11,338	3.9	9.2	15,010	53.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	89,100	-2.7%	-8.7%	10,851	6.1	26.8	3,325	64.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	27,300	-2.2%	-8.4%	9,459	2.1	23.5	1,161	26.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	29,400	-0.8%	-6.4%	6,847	2.2	17.3	1,700	8.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	26,950	-2.7%	-11.6%	5,732	2.0	9.9	2,715	28.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	23,550	0.0%	-7.6%	2,639	1.1	9.8	2,402	39.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KHG	5,500	0.4%	-6.5%	2,472	0.5	37.2	148	70.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	14,000	-0.7%	-7.3%	1,960	1.1	13.2	1,064	26.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	17,700	-1.4%	-6.8%	1,948	1.4	15.1	1,172	8.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,000	-1.3%	-4.2%	492,985	2.2	14.0	4,210	336.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,000	0.0%	-4.6%	212,587	1.3	8.4	3,577	294.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCX	49,450	-6.9%	-11.4%	114,308	2.6	18.2	2,713	152.9	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	28,400	-2.6%	-9.8%	70,747	2.2	14.3	1,993	1,572.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	53,700	-2.9%	-8.4%	55,580	2.5	15.9	3,371	73.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	147,500	-3.7%	-9.8%	53,985	6.7	16.6	8,873	57.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,000	-0.3%	-5.0%	44,385	1.1	6.0	2,660	180.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,250	1.13%	-2.65%	13,600	120.1%	581	0.6	10.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,000	1.45%	-0.71%	24,000	73.9%	229	1.1	61.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,000	1.56%	1.17%	43,700	70.7%	943	1.6	27.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	26,400	-1.86%	1.54%	45,800	70.3%	1,805	1.0	14.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,650	6.75%	12.44%	20,000	68.8%	862	0.6	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,150	-0.66%	-0.98%	25,500	67.2%	353	1.2	42.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	33,750	-1.75%	-5.20%	54,000	57.2%	1,638	1.7	20.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	77,000	-0.90%	-5.64%	116,600	50.1%	5,511	3.6	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,650	-0.39%	-3.75%	38,000	47.6%	3,024	1.2	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,450	1.30%	0.64%	33,300	43.8%	3,042	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,500	-1.01%	-2.96%	42,400	42.3%	1,917	1.7	15.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,400	-2.57%	-9.84%	40,800	40.0%	1,993	2.2	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,700	-0.22%	-0.65%	64,100	40.0%	3,130	2.4	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,900	1.09%	0.82%	101,200	38.4%	2,710	3.0	27.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,000	0.00%	-4.61%	41,500	38.3%	3,577	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,800	0.60%	-4.55%	23,100	38.3%	1,726	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	18,000	1.12%	-3.23%	24,600	38.2%	3,200	1.2	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BWE	42,700	0.00%	-6.05%	58,700	37.5%	4,506	1.6	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,400	1.49%	-2.63%	59,000	34.9%	3,449	2.7	12.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	40,000	-8.05%	-21.57%	58,100	33.6%	3,560	1.4	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director
+84 28 3914 3588, ext 363
duc.vu@vietcap.com.vn

Research team
+84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research
+84 28 3914 3588, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le
Director, Brokerage & Institutional Sales & Trading
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau
Managing Director
Brokerage
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Vietcap